TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIA** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Xuân Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thương

Ông Hoàng Ngọc Quý

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1988; Hộ khẩu đăng ký và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lộc Mạnh T, sinh năm 1989; Hộ khẩu đăng ký tại Khối phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 4, phân trại số 3 Trại giam H, tỉnh Hải Dương. Yêu cầu xét xử vắng mặt vì đang chấp hành án phạt tù.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị M (Mẹ đẻ anh Lộc Mạnh T), địa chỉ: Khối phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 08/10/2018, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Qua bạn bè chị đã quen và được tự nguyện tìm hiểu với anh Lộc Mạnh T, sau đó được hai bên gia đình tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn ngày 04/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Thanh

Hóa (quê chị Lê Thị T), do không được tìm hiểu kỹ và anh Lộc Mạnh T dấu chị về việc đang bị cai nghiện bắt buộc vì sử dụng ma túy, nên sau khi cưới vợ chồng hay cãi nhau. Từ cuối năm 2014 chị và con về ở hẳn nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên chị vẫn thi thoảng về Lạng Sơn và cùng gia đình khuyên bảo anh Lộc Mạnh T cai nghiện ma túy, tu trí làm ăn và chăm lo cho vợ, con, nhưng anh Lộc Mạnh T không nghe vẫn sử dụng ma túy và sau đó vi phạm hình sự. Nên tháng 6 năm 2016 anh Lộc Mạnh T bị Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử và phạt 7 năm tù giam về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam H, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian anh Lộc Mạnh T đi cải tạo chị vẫn đến thăm, tuy nhiên thấy hoàn cảnh con còn nhỏ, kinh tế gia đình khó khăn, là phận gái có chồng nghiện ma túy, nay lại đi tù, rất ảnh hưởng đến tư tưởng, tinh thần, chị thấy sau này khó sống hạnh phúc vì chị không thể tha thứ cho anh Lộc Mạnh T được. Để an tâm và ổn định cuộc sống nuôi dạy con chị Lê Thị T mong muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng, xin được ly hôn với anh Lộc Mạnh T.

Về con chung: Có một con chung là cháu Lộc Minh K, sinh ngày 16/4/2014, từ lúc sinh con đến nay một mình chị tự chăm sóc nuôi dưỡng, nên khi ly hôn chị Lê Thị T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Lộc Mạnh T phải cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay đang đi cải tạo, công việc, thu nhập không có. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lê Thị T trình bày không có nợ chung; về tài sản chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lộc Mạnh T, do đang phải chấp hành án phạt tù, nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nhưng tại bản tự khai ngày 30/10/2018 và lời trình bày tại phiên hòa giải có ý kiến và yêu cầu như sau: Về thời gian tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn đúng như chị Lê Thị T đã trình bày ở trên. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, có một con chung. Nhưng từ năm 2014 chị Lê Thị T tự đưa con và bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Anh Lộc Mạnh T thừa nhận bản thân nghiện ma túy và đã vi phạm pháp luật, bị xử phạt 7 năm tù. Còn lý do chị Lê Thị T xin ly hôn là do ngoại tình với người khác muốn ly hôn để hợp thức hóa việc ngoại tình, chứ thực chất vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nay anh đang phải chấp hành án phạt tù nên rất muốn có vợ, con động viên để anh cải tạo tốt. Do vậy anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ, đề nghị Tòa án xem xét hòa giải động việc cho vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Có một con chung đúng như chị Lê Thị T đã trình bày, anh Lộc Mạnh T không đồng ý ly hôn, nên không đề nghị Tòa án xem xét về con chung, mà tạm thời để con cho chị Lê Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị M trình bày, con bà là Lộc Mạnh T hiện đang chấp hành án phạt tù, nên bà mong vợ chồng các con đoàn tụ, để anh Lộc Mạnh T có điều kiện, tinh thần cải tạo tốt, sớm được về với gia đình. Theo bà thì chị Lê Thị T muốn xin ly hôn là do có quan hệ ngoại tình với người khác, nên bà đề nghị Tòa án xem xét không cho ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật

định, việc Tòa án xét xử vắng mặt anh Lộc Mạnh T là đúng, vì đang chấp hành án phạt tù không thể có mặt tại phiên tòa. Về nội dung, đề nghị xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lộc Mạnh T; về con chung cần giao con chung cho chị Lê Thị T được nuôi dưỡng là phù hợp, anh Lộc Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Lê Thị T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Lộc Mạnh T theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì hiện anh đang chấp hành án phạt tù, không thể có mặt, tại bản tự khai anh đề nghị xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lộc Mạnh T có thời gian chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 04/10/2013 đúng luật định, nên quan hệ vợ chồng được pháp luật thừa nhận.

[3] Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ, thấy trước và sau khi kết hôn anh Lộc Mạnh T ham chơi, mắc nghiện ma túy bị buộc đi cai nghiện bắt buộc, dù được gia đình khuyên bảo, nhưng không sửa chữa, cai nghiện ma túy, sau đó vẫn sử dụng ma túy và vi phạm pháp luật bị xử phạt 7 năm tù, chính lý do này khẳng định anh Lộc Mạnh T tuy đã có vợ, con nhưng không quan tâm, chăm lo mà sống buông thả vi phạm pháp luật, nay đang chấp hành phạt tù thời gian dài, do vậy ảnh hưởng đến mối quan hệ vợ chồng, dẫn đến không hạnh phúc.

[4] Còn anh Lộc Mạnh T cho rằng do chị Lê Thị T có quan hệ ngoại tình với người khác nên muốn ly hôn, nhưng không có chứng cứ; còn chị Lê Thị T không thừa nhận là ngoại tình, mà vẫn đến thăm nom anh Lộc Mạnh T tại trại giam, nên không có căn cứ xác định lý do xin ly hôn là do ngoại tình. Mà do anh Lộc Mạnh T không có trách nhiệm, nghĩa vụ với vợ, con, không vun đắp cuộc sống vợ chồng để được hạnh phúc. Do mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc đoàn tụ cũng không hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lộc Mạnh T.

[5] Về con chung: Xác định có một con chung là cháu Lộc Minh K, sinh ngày 16/4/2014, do anh Lộc Mạnh T hiện đang phải chấp hành án phạt tù và từ khi sinh con đến nay một mình chị Lê Thị T nuôi dưỡng. Nên giao con chung cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Lộc Mạnh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con, do chị Lê Thị T không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết; về nợ chung cũng không có. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần xem xét để áp dụng quyết định trong việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn với với anh Lộc Mạnh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lộc Mạnh K, sinh ngày 16/4/2014 cho chị Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lộc Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, sung công quỹ nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị T đã nộp tại biên lai số AA/2012/02499 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị T có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Lộc Mạnh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND H Bình Gia, T Lạng Sơn;
- CC.THA DS H Bình Gia, T Lạng Sơn;
- UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu HS + Tổ HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Dương Xuân Tĩnh